

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2025/DS-PT

Ngày: 30 - 5 - 2025

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng

Ông Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2025/TLPT-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2025, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST, ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 208/2025/QĐ-PT, ngày 23 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 215/2025/QĐ-PT, ngày 16/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn M, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà B, Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Kỳ D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt và ông Nguyễn Hiếu N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số B N, Phường A, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị L. Địa chỉ: B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số H, Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1967 – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đức A, sinh năm 1994 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Ông Hoàng Văn D1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số G, Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị L, sinh năm 1963. Địa chỉ: B P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Lăng Trọng D2 – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Địa chỉ: Số C G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Văn phòng C;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Hằng N2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền nguyên đơn (ông Hoàng Văn M) là bà Lê Thị Kỳ D và ông Nguyễn Hiếu N trình bày:

Ông Hoàng Văn M là con ruột của ông Hoàng Văn R (sinh năm 1941, mất năm 2007) và bà Trần Thị Đ (sinh năm 1946, mất năm 2022). Ông Hoàng Văn R kết hôn với bà Trần Thị Đ và sau đó sinh ra 08 người con bao gồm: Hoàng Thị L1, Hoàng Thị V, Hoàng Văn T1, Hoàng Thị N1, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T, Hoàng Văn D1 và ông Hoàng Văn M.

Năm 2007 Hoàng Văn R chết, năm 2022 bà Trần Thị Đ chết. Thời điểm chết ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ không để lại di chúc.

Lúc sinh thời, ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ có cùng nhau tạo lập và sở hữu được phần tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số G, thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 1.950m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chủ quyền số R 590678, vào sổ số 303276 QSD/... ngày 16/01/2002 mang tên hộ ông Hoàng Văn R (gắn liền trên đất là nhà cấp 4 (nhà chính), tường xây bờ lô, sườn gỗ, lợp mái tôn, nền lót gạch bông, xung quanh khu nhà có trồng cây cà phê, cây hồ tiêu).

Về nguồn gốc thì nhà và đất này do ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ khai hoang, sử dụng lâu dài cùng một số người con và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002 mang tên Hộ ông Hoàng Văn R.

Đến năm 2007 ông Hoàng Văn R chết, bà Trần Thị Đ đã cùng ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế mà không có sự đồng ý của ông Hoàng Văn M, cũng như không có sự đồng ý của những người con khác, sau đó bà Đ đã tặng cho ông Hoàng Văn D1. Dựa trên lời khai của các bên và của Văn phòng C – Là nơi công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản trên đã thừa nhận có công chứng văn bản tặng cho giữa bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn D1; Sau đó ông Hoàng Văn D1 đã được Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại mặt sau vào ngày 15/5/2013 và đến hiện nay thì N3 và đất này đã được tách làm 02 thửa đất theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, là: Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1427,0 m² Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn D1 và Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523,0m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn T, cùng tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Khi tiến hành khai nhận di sản thừa kế và ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế tại Văn phòng C vào ngày 16/4/2013 thì chỉ có 03 (ba) người là bà Trần Thị Đ, ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1

Theo quy định của pháp luật hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ là có 8 người bao gồm những người kể trên (đều đã được các bên thừa nhận qua các lần lấy lời khai trước đây nên đây là sự kiện không phải chứng minh), tuy nhiên tại Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được công chứng vào ngày 16/4/2013 tại Văn phòng C lại xác định hàng thừa kế của ông Hoàng Văn R chỉ có 03 người là bà Trần Thị Đ, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn D1 cho nên Văn bản thỏa thuận Phân chia di sản này hoàn toàn không có giá trị pháp lý và trái quy định của pháp luật.

Tại đơn khởi kiện ngày 03/4/2023 ông Hoàng Văn M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông các yêu cầu sau:

Hủy Giấy chứng nhận chủ quyền số R 590678, vào sổ số 303276 QSD/ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002 đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, diện tích 1950 m² tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn T đối với thửa đất số 286 tờ bản đồ số 18 diện tích 523,0m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn D1 đối với thửa đất số 285 tờ bản đồ số 18 diện tích 1427,0m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được tách từ Giấy chứng nhận chủ quyền số R 590678, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002;

Hủy văn bản khai phân chia di sản thừa kế và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 2013 của bà Trần Thị Đ và các đồng thừa kế đối với di sản là nhà và đất nêu trên;

Phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ để lại là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số S Thôn A xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 1.950 m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chủ quyền số R 590678, ngày 16/01/2002, hiện nay đã được tách thành 02 thửa là Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 18 diện tích 1427,0 m² Giấy chủ quyền mang tên ông Hoàng Văn D1 và Thửa đất số 286 tờ bản đồ số 18 diện tích 523,0m² Giấy chủ quyền mang tên ông Hoàng Văn T cùng tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Q1 được sử dụng thửa đất có diện tích 3500 m² tại Thôn

A xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk hiện tại trên đất đang trồng cây cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, mít từ năm 1989 thừa đất trên do Công ty TNHH MTV C1 quản lý.

Đề nghị mỗi người được nhận 1/8 giá trị khối di sản thừa kế trên (nhận bằng hiện vật).

Ngày 18 tháng 10 năm 2023 bà Lê Thị Kỳ D đã có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia di sản là Quyền được sử dụng thừa đất có diện tích 3500 m² tại thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk hiện tại trên đất đang trồng cây cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, mít từ năm 1989 thừa đất trên do Công ty TNHH MTV C1 quản lý.

Hiện nay để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông Hoàng Văn M và các đương sự khác, giải quyết được triệt để vụ án tôi xin được sửa đổi bổ sung lại yêu cầu khởi kiện và kính mong Quý Tòa chấp thuận cho các yêu cầu sau:

- Tuyên hủy hoặc tuyên vô hiệu văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà Trần Thị Đ, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn D1 được lập tại Văn phòng C vào ngày 16 tháng 04 năm 2013;

-Tuyên hủy hoặc tuyên vô hiệu hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất vào năm 2013 của bà Trần Thị Đ và của ông Hoàng Văn D1 đối với di sản là nhà và đất nêu trên, đồng thời Tuyên hủy phần cập nhật biến động tại trang sau Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678, số vào sổ số 303276 QSD/ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002 với nội dung là tặng cho ông Hoàng Văn D1 sinh năm 1982, CMND số 240642774 thường trú tại xã H huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo hồ sơ số 24517001189/TCVP do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk cập nhật ngày 15/05/2013.

- Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn T đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523m² tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn D1 đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1427m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

-Phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ để lại là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số G Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có diện tích 1.950m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, đã được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002.

Đối với Văn bản số 216/CAH-QLHC, ngày 12/8/2024 của Công an xã H, huyện K về việc trả lời đơn xác nhận của ông Hoàng Văn D1 đối với các nội dung xác nhận hộ ông Hoàng Văn R, trú tại thôn A, xã H, huyện K từ năm 1988 có bao nhiêu nhân khẩu, trong nội dung mà công an xã H cung cấp cho rằng trước năm 1998 ông Hoàng Văn M đã chuyển khẩu không thường trú tại hộ ông Hoàng Văn R. Như vậy là không khách quan và bất lợi đối với ông Hoàng Văn M và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác. Đề nghị Tòa án xác minh thêm tại Phòng quản lý, trật tự hành chính công an huyện K để làm rõ nội dung thêm về nội dung này.

2. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phan Thị L, là người đại diện ủy quyền cho bị đơn anh Hoàng Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên ông Hoàng Văn D1 trình bày:

Thay mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tôi hoàn toàn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M với những lý do cụ thể như sau:

- Việc ký hợp đồng tặng cho tài sản của mẹ anh T cũng như các anh chị em cho anh Hoàng Văn D1 tại phòng C2 là hoàn toàn hợp pháp.

- Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này mẹ anh bà Đ và các thành viên trong gia đình đều là người tinh táo không có yếu tố gì ảnh hưởng đến thể chất.

- Việc viết giấy tặng cho của mẹ anh và các thành viên khác là tự nguyện, được phòng C2 ký xác nhận.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án trước khi tặng cho.

- Khi ký hợp đồng trên thì tài sản không thể chấp cho ai, không tranh chấp với ai.

- Việc tặng cho quyền về tài sản và thừa kế tài sản từ năm 2013 đã được sang tên đổi chủ cho anh Hoàng Văn D1 đến nay đã 10 năm.

Việc anh T1 cho nhưng không trực tiếp ký vì lý do khách quan và đã đồng ý để các thành viên trong gia đình ký thay từ khi ký cho đến khi bà Đ qua đời anh T1 cũng không có ý kiến gì và bản thân anh T1 cũng đã được ông R bà Đ giao cho hợp đồng ký với công ty và được lợi 850 m² đất thổ cư tại thôn A Công ty C1, còn anh M cũng chỉ được định đoạt đối với 1/9 di sản thừa kế của ông R mất để lại cụ thể: ½ tài sản của ông R ba anh mất trở thành di sản thừa kế, do ông R chết không để lại di chúc nên di sản của ông R được đem chia theo quy định của pháp luật.

Người được hưởng di sản của ông R gồm: vợ ông R (bà Đ) + 8 con chung = 9 phần .

Anh M chỉ được hưởng 1/9 di sản của ông R nhưng ông M đã tự nguyện ký hợp đồng tặng cho di sản của mình vào năm 2013 cho anh D1 và đã được sang tên đổi chủ như vậy đã hoàn thành về mặt hình thức và anh D1 đã sử dụng ổn định từ đó đến nay. Vì lẽ đó không có căn cứ để hủy văn bản hợp đồng tặng cho tại Phòng C2.

- Đối với việc ủy ban nhân dân huyện K sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ tên họ ông R sang cho anh D1 là căn cứ trên hợp đồng tặng cho nên hợp pháp. Vì vậy việc anh M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Văn D1 cũng không có căn cứ.

- Việc anh Hoàng Văn D1 làm hợp đồng tặng cho anh trai tên T 523 m² là quyền định đoạt của anh Hoàng Văn D1 vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Hoàng Văn D1 nên anh Hoàng Văn M không có quyền gì.

Đối với ý kiến của người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn về việc cho rằng Văn bản số 216/CAH-QLHC, ngày 12/8/2024 của Công an xã H, huyện K trả lời đơn xác nhận của ông Hoàng Văn D1 đối với các nội dung xác nhận hộ ông Hoàng Văn R, trú tại thôn A, xã H, huyện K từ năm 1988 có bao nhiêu nhân khẩu, trong nội dung mà công an xã H cung cấp thông tin: trước năm 1998 ông Hoàng Văn M đã chuyển khẩu không thường trú trong hộ ông Hoàng Văn R, như vậy là không khách quan và bất lợi đối với ông Hoàng Văn M và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác là không đúng, việc công an xã H cung cấp thông tin là hoàn toàn khách quan, đúng theo thông tin quản lý tại nơi cư trú.

Từ những lý do trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Văn D1 và Hoàng Văn T, ông D1 và ông T thống nhất để ông T đứng ra chi trả giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế gồm Hoàng Văn M1, Hoàng Thị L1, Hoàng Thị V, Hoàng Văn T1, Hoàng Thị N1 và Hoàng Văn Q.

3. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Q và ông Hoàng Đức A, là người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của ông Hoàng Văn T1 trình bày:

Ông Hoàng Văn M có bố là ông Hoàng Văn R (sinh năm 1941, chết năm 2007) và mẹ là bà Trần Thị Đ (sinh năm 1946, chết năm 2022). Ông Hoàng Văn R kết hôn với bà Trần Thị Đ và sau đó sinh ra 08 người con bao gồm: Hoàng Thị L1 (sinh năm 1957), Hoàng Thị V (sinh năm 1965), Hoàng Văn T1 (sinh năm 1967), Hoàng Thị N1 (sinh năm 1971), Hoàng Văn Q (sinh năm 1974), Hoàng Văn T (sinh năm 1977), Hoàng Văn D1 (sinh năm 1982) và ông Hoàng Văn M. Đến năm 2007 ông Hoàng Văn R mất, năm 2022 bà Trần Thị Đ mất.

Hiện nay ông Hoàng Văn T đang sinh sống tại nhà và đất tại số G Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 1.950 m² thuộc thửa đất số 183 tờ bản đồ số 18 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chủ quyền số R 590678, sổ vào sổ số 303276 QSD do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002 (là tài sản do ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ để lại).

Lúc sinh thời, ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ có cùng nhau tạo lập và sở hữu một nhà và đất tại địa chỉ số G Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk có diện tích 1.950 m² thuộc thửa đất số 183 tờ bản đồ số 18 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chủ quyền số R 590678, sổ vào sổ số 303276 QSD/ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002 (gắn liền trên đất là nhà cấp 4 (nhà chính), tường xây bờ lô, sườn gỗ, lợp mái tôn, nền lát gạch bông, xung quanh khu nhà có trồng cây cà phê, cây hồ tiêu). Về nguồn gốc, thì nhà và đất này do ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ khai hoang, sử dụng lâu dài và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất. Vào năm 2007, ông Hoàng Văn R mất, bà Trần Thị Đ đã cùng ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế mà không có sự đồng ý của ông Hoàng Văn M, cũng như không có xác nhận của anh chị khác trong gia đình, sau đó ông Hoàng Văn M không biết bằng cách thức nào nhà và đất trên được cập nhật sang tên ông Hoàng Văn D1 theo hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện K cập nhật vào ngày 15/5/2013. Theo thông tin tôi được biết hiện nay Nhà và đất này đã được tách làm 02 thửa đất theo 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cụ thể lần lượt là Thửa đất số 285 tờ bản đồ số 18 diện tích 1.427,0 m² Giấy chủ quyền mang tên ông Hoàng Văn D1, và Thửa đất số 286 tờ bản đồ số 18 diện tích 523,0m² Giấy chủ quyền mang tên ông Hoàng Văn T cùng tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Và quyền được sử dụng thửa đất có diện tích 3.500 m² tại Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk hiện tại trên đất đang trồng cây cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, mít, cây muồng đen từ năm 1989 thửa đất trên do Công ty TNHH MTV C1 quản lý và cho ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ sử dụng từ năm 1989, về nguồn gốc đất là do ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ được Công ty C1 cấp đất để trồng cà phê liên kết, năm 2007 ông Hoàng Văn R chết thì vào ngày 21/01/2008 bà Trần Thị Đ đã làm đơn xin chuyển tên cà phê liên kết cho ông Hoàng Văn D1 được công ty C1 xác nhận ngày 25/2/2008, trong khi phần tài sản này chưa thông qua sự đồng ý của anh chị em trong gia đình.

Thời điểm ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ chết không để lại di chúc.

Hiện tại, toàn bộ các tài sản nêu trên và các Giấy chủ quyền đều do ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 chiếm giữ, sau khi ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ mất đi, nhiều lần ông Hoàng Văn M và các anh em khác trong nhà yêu cầu ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 phải giao quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chia cho anh em khác nhưng ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 không đồng ý.

Vì vậy chúng tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn M, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678, vào sổ số 303276 QSD/ do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002 đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.950m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn T đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523 m² tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được tách từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn D1 đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.427 m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk được tách từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002;

- Hủy văn bản phân chia di sản thừa kế và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vào năm 2013 của bà Trần Thị Đ và các đồng thừa kế đối với di sản là nhà và đất nêu trên;

- Phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ để lại là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số G Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có diện tích 1.950m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, đã được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002, hiện nay đã được tách thành 02 thửa là Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.427,0 m², mang tên ông Hoàng Văn D1 và Thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523,0m² mang tên ông Hoàng Văn T cùng tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và phân chia Quyền được sử dụng thửa đất và các tài sản trên đất có diện tích 3.500 m² (Ba nghìn năm trăm mét vuông) tại Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, hiện tại trên đất đang trồng cây cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, mít từ năm 1989, thửa đất trên do Công ty TNHH MTV C1 quản lý.

Chúng tôi đề nghị mỗi người được nhận 1/8 giá trị khối di sản thừa kế trên của ông R và bà Đ để lại (nhận bằng hiện vật).

4. Trong bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị L1 và Hoàng Thị N1 trình bày:

Chúng tôi là con ruột của ông Hoàng Văn R (sinh năm 1941, chết năm 2007) và bà Trần Thị Đ (sinh năm 1946, chết năm 2022). Ông Hoàng Văn R kết hôn với bà Trần Thị Đ và sau đó sinh ra 08 người con bao gồm: ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Văn T1, bà Hoàng Thị N1, ông Hoàng Văn Q, ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1. Năm 2007 Hoàng Văn R chết, năm 2022 bà Trần Thị Đ chết. Thời điểm chết ông Hoàng Văn R và bà Trần Thị Đ không để lại di chúc.

Quá trình chung sống ông R, bà Đ tạo lập được khối tài sản chung là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại địa chỉ số G Thôn A, xã H, huyện K, tỉnh

Đắk Lắk, có diện tích 1.950m² thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, đã được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 16/01/2002. Trước năm 2002, ba chị em chúng tôi và ông M, ông Q, ông T1 sau khi trưởng thành lập gia đình và ở riêng, chỉ còn 2 em trai út là Hoàng Văn T và Hoàng Văn D1 ở cùng bố mẹ, sau đó T cũng lập gia đình và tách khẩu khỏi hộ khẩu của bố mẹ. Chúng tôi xác nhận quyền sử dụng đất có diện tích 1.950m² là tài sản chung được cấp cho hộ gia đình bố mẹ tôi và em út là Hoàng Văn D1, vì vậy khi mẹ chúng tôi lập văn bản chia thừa kế và hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất cho Hoàng Văn D1 thì chúng tôi không có ý kiến gì. Nay ông Hoàng Văn M khởi kiện đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ thì chúng tôi không có ý kiến gì, nếu giải quyết theo quy định của pháp luật mà chúng tôi được hưởng một phần thì chúng tôi cũng chấp nhận phần mà chúng tôi được hưởng chúng tôi đồng ý nhận bằng tiền mặt để quyền sử dụng đất cho em T và D1 được toàn quyền sử dụng.

5. Trong bản tự khai, người đại diện tham gia tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ông Lăng Trọng D2 trình bày:

Ông Hoàng Văn D1 là người được quyền sử dụng diện tích 1.950m² đất thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại thôn A xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678, ngày 16/01/2002 cho hộ ông Hoàng Văn R.

Trong quá trình sử dụng, vào ngày 25/5/2016 ông Hoàng Văn D1 đã có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất nói trên, thay đổi diện tích sử dụng từ 1.950m² còn 1.427m². Qua xem xét hồ sơ đề nghị, thấy rằng ngày vào ngày 25/5/2016 giữa ông Hoàng Văn D1 và ông Hoàng Văn T có ký kết hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk công chứng số 2820, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, với nội dung là ông Hoàng Văn D1 tặng cho ông Hoàng Văn T diện tích 523m² trong tổng diện tích đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678, ngày 16/01/2002. Đến ngày 27/5/2016 ông Hoàng Văn T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đăng ký sử dụng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523m².

Xét thấy hồ sơ đề nghị đầy đủ, đúng trình tự thủ tục vì vậy Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K đã làm hồ sơ trình lên Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, đến ngày 16/6/2016 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CD 364223, thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.427,0m² cho ông Hoàng Văn D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CD 364007, thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523m² cho ông Hoàng Văn T.

Toàn bộ hồ sơ, thủ tục biến động về việc sử dụng đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Văn R sang tên ông Hoàng Văn D1 và Hoàng Văn T đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật vì vậy việc nguyên đơn ông Hoàng Văn M khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CD 364223, thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.427,0m² cho ông Hoàng Văn D1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CD 364007, thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523m² cho ông Hoàng Văn T là không có căn cứ.

Đối với việc tranh chấp về tài sản thừa kế giữa các đương sự đề nghị Tòa án căn cứ

vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

6. Trong bản tự khai, người đại diện tham gia tố tụng của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng C bà Đỗ Thị Hằng N2 trình bày:

Nguyên vào ngày 16/4/2013, Văn phòng C có công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn R (sinh năm 1941, mất năm 2007) theo yêu cầu của bà Trần Thị Đ là vợ ông Hoàng Văn R và các con ông Hoàng Văn R là ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1. Di sản thừa kế mà bà Đ và các con yêu cầu văn phòng C công chứng là một phần QSD đất thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Văn R theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678, vào sổ số: 303276QSDĐ/ do UBND xã H, huyện K cấp ngày 16/01/2002. Thông tin thửa đất cụ thể như sau: Thửa đất số 183, TĐĐ số: 18; Diện tích: 1950m² (trong đó có 400m² đất ở, 1550m² cà phê). Địa chỉ thửa đất: xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng công chứng đã kiểm tra hồ sơ, giải thích rõ quyền và nghĩa vụ bên nhận thừa kế. Những người nhận thừa kế là bà Trần Thị Đ và các con là ông Hoàng Văn T, Hoàng Văn D1 cũng đã cam kết, ông bà là những người thừa kế duy nhất, ngoài bà Đ và hai con có tên nêu trên, ông R không có người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất nào khác. Bà Đ và hai con có tên nêu trên cũng cam kết nếu có người nào chứng minh được họ là người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất hợp pháp của ông Hoàng Văn R thì bà Đ và các con sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, không yêu cầu công chứng viên người công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế phải chịu trách nhiệm. Tại thời điểm ký văn bản thừa kế, những người thừa kế có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định pháp luật, những người thừa kế đã đọc văn bản, đồng ý toàn bộ nội dung văn bản, các con của bà Trần Thị Đ là ông Hoàng Văn T và Hoàng Văn D1 cũng đồng ý tặng cho bà Trần Thị Đ toàn bộ phần di sản thừa kế mà họ được hưởng từ ông R và hoàn toàn tự nguyện ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trước sự chứng kiến của công chứng viên.

Việc Văn phòng C công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật về công chứng.

Sau khi thực hiện xong thủ tục phân chia di sản thừa kế thì bà Đ được toàn quyền quản lý sử dụng đối với quyền sử dụng đất nêu trên. Bà Đ đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Hoàng Văn D1. Việc tặng cho đã được Văn phòng C công chứng theo đúng quy định pháp luật.

Nay ông Hoàng Văn M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc tuyên hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà Văn phòng C đã công chứng nêu trên. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Vậy kính mong Tòa án xem xét giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 123, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 6, Điều 18, Điều 12, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M.

1.1. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Văn phòng C công chứng số 2859 quyền số 04 CC-SCC/HĐGD, ngày 16/4/2013 vô hiệu;

1.2. Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn D1 do Văn phòng C công chứng số 2860 quyền số 04 CC-SCC/HĐGD, ngày 16/4/2013 vô hiệu một phần.

1.3. Phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn R là 650m² đất trong tổng diện tích 1.950m² đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R590678, ngày 16/01/2002 cho hộ ông Hoàng Văn R. Giá trị di sản thừa kế là 313.100.000 đồng.

Giao cho ông Hoàng Văn D1 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.427,0m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CD 364223, ngày 16/6/2016.

Giao cho ông Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số CD 364007 ngày 16/6/2016.

Ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Văn T1, bà Hoàng Thị N1, ông Hoàng Văn Q mỗi người 34.788.888 đồng (*Ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng*).

Kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M về việc yêu cầu chia sản thừa kế của bà Trần Thị Đ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc phân chia di sản là Q1 được sử dụng thửa đất có diện tích 3.500 m² tại thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do Công ty cổ phần C1 quản lý.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hiếu N đại diện cho nguyên đơn ông Hoàng Văn M – Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện K và giao toàn bộ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Hiếu N kháng cáo trong thời hạn luật định nên vụ án được thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với Biên bản nghị án ghi ngày 26/9/2024 và tuyên án ngày 27/9/2024. Tuy nhiên, nội dung của biên bản nghị án không có sự khác nhau đối với bản án sơ thẩm, do đó cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Về việc xác định di sản thừa kế: Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thấy rằng: nguồn gốc đất là đất do UBND tỉnh Đ thu hồi của Nông trường cà phê Thắng Lợi (quyết định số 28/QĐ-UB, ngày 04/01/2001) giao cho UBND huyện K để cấp cho các hộ dân tại xã H, hộ ông Hoàng Văn R được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 590678, ngày 16/01/2002, thuộc thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, với diện tích là 1.950m². Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông Hoàng Văn R có 3 thành viên là ông Hoàng Văn R, bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn D1, do đó xác định đây là tài sản chung của ông R, bà Đ và ông D1. Đến năm 2007 ông Hoàng Văn R mất không để lại di chúc. Ngày 16/4/2013, bà Đ, ông Hoàng Văn D1, ông Hoàng Văn T đã tự ý lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên cho bà Đ. Sau đó, ngày 15/5/2014 bà Đ tặng cho diện tích đất trên cho ông D1. Ngày 25/5/2016 ông D1 tặng cho ông T 523m² đất từ diện tích đất mà ông đã được bà Đ tặng cho.

- Đối với yêu cầu tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Văn phòng Công chứng số 2859 quyền số 04 CC-SCC/HĐGD, ngày 16/4/2013 vô hiệu, thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế khi ông R mất bao gồm: Bà Trần Thị Đ, ông Hoàng Văn T, ông Hoàng Văn D1, ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Văn T1, bà Hoàng Thị N1, ông Hoàng Văn Q. Việc bà Đ, ông T và ông D1 tự ý lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất trên mà không có sự đồng ý bằng văn bản của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông R là đã vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 617, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế trên vô hiệu theo quy định tại Điều 117, 123 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu khởi kiện tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn D1 do Văn phòng C quyền số 04 CC-SCC/HĐGD, ngày 16/4/2013 vô hiệu, thì thấy: Diện tích đất trên tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ gia đình ông Hoàng Văn R có 3 thành viên là ông R, bà Đ và ông D1, do đó cần xác định đây là tài sản chung của ông R, bà Đ, ông D1 và các bên đều có quyền lợi như nhau. Khi ông R chết không để lại di chúc, thì phần di sản của ông R phải được chia cho các hàng thừa kế thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, bà Đ và ông D1 không có quyền quyết định đối với phần di sản trên của ông R. Tại thời điểm tặng cho bà Đ không bị mất năng lực hành vi dân sự nên bà Đ có quyền tặng cho một phần tài sản của mình cho ông D1. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng tặng cho giữa bà Đ với ông D1 vô hiệu một phần liên quan đến phần di sản của ông R là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R590678, ngày 16/01/2002 cho hộ ông Hoàng Văn R, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18, có diện tích là 1.950m²; Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn T đối với thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18, diện tích 523m² tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 16/6/2016 mang tên ông Hoàng Văn D1 đối với thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18, diện tích 1.427m², tọa lạc tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi được bà Đ tặng cho quyền sử dụng đất, thì diện tích đất trên đã được ông D1 tách thành hai thửa đất mang tên ông T và ông D1. Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 07/9/2023 (BL 110) có thể xác định tổng giá trị của hai thửa đất trên theo giá thị trường là 939.300.000 đồng, trong đó thửa số 34 (cũ là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18) có giá trị là 609.300.000 đồng và thửa số 41 (cũ là thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18) có giá trị là 330.000.000 đồng. Về tài sản trên đất của 02 thửa đất số 34 và 41 có tổng giá trị là 556.248.800 đồng. Tuy nhiên, do các tài sản trên đất là do ông T và ông D1 tạo dựng sau khi ông R chết, nên khi phân chia di sản thừa kế sẽ không phân chia đối với những tài sản này.

Đối với thửa đất số 183, tờ bản đồ số 18 có tổng diện tích là 1.950m², được chia đều cho 3 người là ông R, bà Đ, ông D1, mỗi người được sở hữu 650m². Phần di sản của ông R sẽ chia cho vợ và các con là 9 phần bằng nhau: 72m²/người. Do diện tích đất sau khi chia không đủ để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên cần ghi nhận việc ông D1 và ông T thống nhất với nhau về việc ông T chịu trách nhiệm chia lại phần giá trị mà bà L1, bà V, ông T1, bà N1, ông Q, ông M được hưởng. Ông T có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Văn T1, bà Hoàng Thị N1, ông Hoàng Văn Q mỗi người 34.788.888 đồng.

Xét thấy diện tích đất trên đã được tách thành hai thửa mang tên ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1, qua quá trình xác minh thì đây là nơi ở duy nhất của ông T và ông D1. Đồng thời ông D1 và ông T cũng đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật. Nên cần giao quyền sử dụng đất trên cho ông T và ông D1 quản lý, sử dụng là phù hợp, cần không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của ông T và ông D1.

- Đối với tài sản và phần di sản thừa kế của bà Đ đã tặng cho ông D1 là trên tinh thần tự nguyện, không bị ép buộc, do đó cần chấp nhận tài sản này thuộc quyền sở hữu

của ông D1, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc phân chia di sản của bà Đ là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị xác minh thêm tại Phòng quản lý, trật tự hành chính công an huyện K đối với Văn bản số 216/CAH-QLHC, ngày 12/8/2024 của Công an xã H, huyện K về việc trả lời đơn xác nhận của ông Hoàng Văn D1 là không khách quan và bất lợi đối với ông Hoàng Văn M, nhận thấy: Công an xã H đã làm đúng với chức trách, nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về mặt pháp luật đối với nội dung đã xác nhận. Do đó, nguyên đơn cho rằng việc xác định như trên là không khách quan nhưng lại không đưa ra được bất kì tài liệu chứng cứ chứng minh nào cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa bảo đảm, cần phải xem xét tại bản Trích đo hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Đ1, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm lưu ý rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu N để sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần kháng cáo, nên nguyên đơn ông Hoàng Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hiếu N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2024/DS-ST, ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ Điều 123, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M.

1.1. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do Văn phòng C công chứng số 2859 quyền số 04 CC-SCC/HĐGD, ngày 16/4/2013 vô hiệu;

1.2. Tuyên hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn D1 do Văn phòng C quyền số 04 CC-SCC/HĐGD, ngày 16/4/2013 vô hiệu một phần.

1.3. Phân chia di sản thừa kế của ông Hoàng Văn R là 650m² đất trong tổng diện tích 1.950m² đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số R590678, ngày 16/01/2002 cho hộ ông Hoàng Văn R. Giá trị di sản thừa kế là 313.100.000 đồng.

Giao cho ông Hoàng Văn D1 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 34 (cũ là thửa đất số 285, tờ bản đồ số 18), tờ bản đồ số 109, diện tích 1.798,6m² và bao gồm cây trồng, vật kiến trúc trên đất. Đất có kích thước và vị trí tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường đất dài 52,6m; phía Đông giáp đường bê tông dài 34.41m; phía Nam giáp thửa đất số 41 (Thửa 286 cũ) dài 52,94m; phía Tây giáp thửa đất số 37 dài 33,37m (Theo Trích đo hiện trạng thửa đất của đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Đ1).

Giao cho ông Hoàng Văn T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 41 (cũ là thửa đất số 286, tờ bản đồ số 18), tờ bản đồ số 109, diện tích 607,8m² và bao gồm tài sản trên đất. Đất có kích thước và vị trí tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất số 34 (thửa 285 cũ) dài 52,94m; phía Đông giáp đường bê tông dài 11,09m; phía Nam giáp thửa đất số 43 và thửa đất số 44 dài 53,62m; phía Tây giáp thửa đất số 37 dài 11,81m (Theo Trích đo hiện trạng thửa đất của đơn vị đo đạc: Công ty TNHH Đ1).

Ông Hoàng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Văn M, bà Hoàng Thị L1, bà Hoàng Thị V, ông Hoàng Văn T1, bà Hoàng Thị N1, ông Hoàng Văn Q mỗi người 34.788.888 đồng (*Ba mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng*).

Kể từ ngày những người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn M về việc yêu cầu chia sản thừa kế của bà Trần Thị Đ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc phân chia di sản là Q1 được sử dụng thửa đất có diện tích 3.500 m² tại thôn A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do Công ty cổ phần C1 quản lý.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hoàng Văn T phải chịu 2.339.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hoàng Thị V, Hoàng Thị L1, Hoàng Thị N1, Hoàng Văn Q, Hoàng Văn T1 và ông Hoàng Văn D1 phải chịu mỗi người 1.739.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Văn M được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 phải chịu chi phí thẩm định, đo đạc, định giá là 10.463.000 đồng. Số tiền này ông Hoàng Văn M đã nộp tạm ứng, ông Hoàng Văn T và ông Hoàng Văn D1 phải trả lại 10.463.000 đồng cho ông Hoàng Văn M (Cụ thể ông Hoàng Văn T phải chịu 5.231.500 đồng và ông Hoàng Văn D1 phải chịu 5.231.500 đồng).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn